

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 02/BC-CMTIEUCAN ngày 19/02/2024 của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh – Co.opmart Tiểu Cần về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở “**Siêu thị Co.opmart Tiểu Cần**” và hồ sơ kèm theo gồm báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường (đã chỉnh sửa, bổ sung kèm theo văn bản số 02/CV-CM ngày 15/3/2024 của Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh – Co.opmart Tiểu Cần) và Biên bản họp Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường ngày 11/3/2024;

Xét Tờ trình số 97/TTr-PTNMT ngày 04/4/2024 của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tiểu Cần.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh – Co.opmart Tiểu Cần được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “**Siêu thị Co.opmart Tiểu Cần**” tại khóm 2, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Siêu thị Co.opmart Tiểu Cần.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm 02, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: số 0301175691-048 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 26/7/2018, thay đổi lần thứ 3 ngày 06/12/2023.

1.4. Mã số thuế: 0301175691-048



1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Thương mại, dịch vụ với các loại hình như siêu thị tự chọn, khu ẩm thực, quầy hàng...

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

Căn cứ quy định của pháp luật về đầu tư công thì cơ sở "Siêu thị Co.opmart Tiều Cần" thuộc cơ sở nhóm B (cơ sở có vốn đầu tư 100 tỷ đồng thuộc điểm d Khoản 5 Điều 8 Luật Đầu tư công).

1.7. Diện tích xây dựng cơ sở: 6.060,1 m² (thửa đất số 6 tờ bản đồ số 21; đất thương mại dịch vụ; đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CK 088407).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh – Co.opmart Tiều Cần có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh chất thải, tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 11 tháng 4 năm 2024 đến ngày 11 tháng 4 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tiểu Cần, Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở TNMT tỉnh (BC);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Phòng TNMT;
- Phòng KTHT;
- UBND thị trấn Tiểu Cần;
- Chi nhánh Liên hiệp Hợp tác xã thương mại TP. Hồ Chí Minh – Co.opmart Tiểu Cần;
- LĐVP, NCNN;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Mẫu





Phụ lục 01
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
NƯỚC THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 25/GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024
 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt (khu nhà vệ sinh), nước thải khu vực nhà ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu tại Khóm 2, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3^o) như sau:

- X (m): 1086336.

- Y (m): 576102.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ tự chảy về hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần, loại hình xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả liên tục (24 giờ/ngày.đêm)

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Không thực hiện quan trắc định kỳ(*)
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000	

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/L	4,0	
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	10	
11	Tổng Coliform	MPN/100mL	5.000	

(^c): Theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và hướng dẫn của Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường – Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 964/ KSONMT- CN&NH ngày 11/4/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước mưa chảy tràn: nước mưa → hệ thống rãnh, hồ gas thu gom riêng → hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần.

- Nước thải sinh hoạt (khu nhà vệ sinh), nước thải khu vực nhà ăn:

+ Nước thải sinh hoạt (khu nhà vệ sinh) → hầm tự hoại → hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm → hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần.

+ Nước thải khu vực nhà ăn → bể tách dầu mỡ 03 ngăn → hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đêm → hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải :

a) Hầm tự hoại 3 ngăn: nước thải sinh hoạt (khu nhà vệ sinh) → ngăn chứa → ngăn lắng → ngăn lọc.

Nước thải sinh hoạt từ khu vệ sinh sẽ được thu gom về hầm tự hoại 3 ngăn để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại và đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn. Cấu tạo bên trong của hầm tự hoại gồm có 3 ngăn: ngăn chứa phân, ngăn lắng và ngăn lọc. Vai trò của từng ngăn như sau:

Ngăn chứa phân: có kích thước lớn nhất, chiếm 2/3 dung tích hầm. Nơi đây là nơi tích trữ phân. Phân bùn và các váng nổi bọt bị giữ lại bên ngăn chứa phân.

- Ngăn lắng: dùng để tiếp tục lắng cặn có kích thước lớn trôi từ ngăn đầu tiên qua. Tại ngăn lắng cũng xảy ra quá trình phân hủy kỵ khí để tiếp tục xử lý chất ô nhiễm có trong nước thải.

- Ngăn lọc: chứa một số vật liệu lọc thông dụng như đá, cát, sỏi nhằm loại bỏ cặn lơ lửng khó lắng và khử mùi. Nguyên lý lọc tại ngăn này là lọc ngược, nước thải đi từ dưới lên qua lớp vật liệu lọc rồi thoát ra ngoài.

Hầm tự hoại được vận hành theo công nghệ xử lý sinh học yếm khí nên trong quá trình sử dụng cơ sở đã áp dụng thực hiện:

- Lắp đặt ống thoát các chất khí sinh ra (H_2S , CO_2 , CH_4) tránh ăn mòn, phá hoại cấu kiện bê tông, cốt thép trong bể. Ống thoát khí được lựa chọn là ống nhựa uPVC $\Phi 90$;
- Không sử dụng các hóa chất (chất tẩy rửa, Chlorine) cho vào bể tự hoại sẽ làm chết hệ vi sinh yếm khí có trong bể, ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý;
- Khi bể tự hoại đầy chất lắng đọng thì sẽ thuê đơn vị chức năng đến hút ra ngoài.

Nước thải sau khi qua hầm tự hoại sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $50 m^3/ngày.đêm$.

b) Hệ thống xử lý nước thải công suất $50 m^3/ngày.đêm$.

Nước thải (Nước thải sinh hoạt tại khu nhà vệ sinh sau hầm tự hoại 03 ngăn; nước thải khu nhà ăn) → Bể thu gom → Bể tách mỡ (03 ngăn) → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí ANOXIC → Bể sinh học hiếu khí AEROTANK → Bể sinh học hiếu khí MBR → Bể chứa sau xử lý → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008, cột B, K=1; hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không thực hiện vận hành thử nghiệm (hệ thống đang hoạt động).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra hệ thống cống thoát nước công cộng thuộc tuyến đường Võ Thị Sáu và chảy ra sông Tiểu Cần.



Phụ lục 02
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 25 /GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024
 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Phát sinh từ quá trình hoạt động của thiết bị máy móc tại cơ sở và phương tiện lưu thông trong khu vực cơ sở.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực đặt máy móc và khu vực kinh doanh.

2. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung cụ thể như sau:

- Khu vực xung quanh của cơ sở: đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Trong khu vực làm việc của cơ sở: Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép với tiếng ồn tại nơi làm việc.; QCVN 27:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc (máy phát điện, motor,...) được bố trí đệm, gối kê nhằm hạn chế tiếng ồn khi vận hành.

- Bố trí khu vực riêng, có tường bao quanh khu vực đặt máy phát điện, motor,... nhằm giảm thiểu độ rung, ồn đến khu vực xung quanh.

- Định kỳ hàng tháng thực hiện bôi trơn máy móc bằng dầu bôi trơn để hạn chế ma sát phát sinh tiếng ồn từ động cơ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 03
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số 25/GPMT-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2024
 của Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Nguồn phát sinh CTNH chủ yếu của cơ sở khối lượng ước tính phát sinh khoảng 89 kg/năm. Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, CTNH phát sinh tại dự án được phân loại như sau:

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
08 02 04	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 03 17	-	Y12	Đ, ĐS	Rắn	KS
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH
17 02 03	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	13 02 06	A4060	Y9	Đ, ĐS, C	Lỏng	NH
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các TPNH	15 02 02	A3020 A3140 A3150	Y8 Y41 Y42	Đ, ĐS	Rắn	KS

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Phế liệu (giấy vụn, bao bì giấy, thùng carton,...): Khoảng 40 tấn/năm.
- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Khoảng 06 m³/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở phát sinh từ sinh nhân viên, khách hàng; phát sinh khoảng 72 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí thùng chứa để lưu trữ riêng các loại CTNH phát sinh tại cơ sở; Bố trí

khu vực lưu trữ CTNH.

- Thùng chứa, khu vực lưu chứa đảm bảo quy định về quản lý CTNH quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Phế liệu (giấy vụn, bao bì giấy, thùng carton,...): Bố trí khu vực để tập kết trong khuôn viên cơ sở (có mái che), định kỳ hàng tháng sẽ bán phế liệu.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: lưu chứa tại bể xử lý của hệ thống xử lý và hợp đồng đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Bố trí thùng chứa để thu gom.

2.3.2 Kho/khu vực lưu chứa: Bố trí khu vực tập kết thùng chứa rác.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Đường nội bộ đảm bảo thông suốt cho phương tiện chữa cháy thao tác, đảm bảo các tia nước từ xe cứu hỏa có thể khống chế được nguồn lửa phát sinh ở bất kỳ vị trí nào trong Cơ sở.

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy.

- Đảm bảo thực hiện bố trí trang bị thiết bị và phương án phòng cháy chữa cháy tại cơ sở theo đúng nội dung đã được Phòng cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Trà Vinh cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 60/TD-PCCC ngày 25/5/2018.

2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật vận hành.

- Lập sổ theo dõi vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Báo ngay cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng để có biện pháp khắc phục kịp thời.

3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống thoát khí thải nhà bếp, máy phát điện

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Định kỳ bảo dưỡng, bảo trì hệ thống để đảm bảo sự ổn định của thiết bị.

4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống thu gom, thoát nước mưa

- Thường xuyên kiểm tra các tuyến cống, hồ gas thoát nước mưa và nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, chống thấm các tuyến thu gom nước thải, tránh nước thải thấm ra ngoài.

5. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ thu gom, lưu chứa chất thải

- Thường xuyên kiểm tra kho, thùng lưu chứa chất thải nhằm đánh giá sớm chất lượng thùng chứa, từ đó đề xuất thay thế thùng hư hỏng hoặc sửa chữa kho lưu chứa chất thải, nhân viên được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ.

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng khắc phục, tránh tình trạng để chất thải đổ tràn trên mặt đất.

- Có bảng tóm tắt hướng dẫn cách khắc phục các sự cố xảy ra; định kỳ tập huấn về chương trình quản lý chất thải cho nhân viên phụ trách.

- Đảm bảo việc thu gom, phân loại, lưu trữ tạm thời chất thải phát sinh tại cơ sở (CTRSH, CTRCNTT, CTNH) và chuyển giao đơn vị có chức năng thu hiện vận chuyển, xử lý theo đúng quy định./.